TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **151**/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 95/2022/HNST ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Thành T, sinh năm 1976
- Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1974

Cùng thường trú: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2022:

[1] Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L đã thực sự thuận tình ly hôn.

[2] Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; Hai bên cùng thống nhất có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận về tài sản chung, thống nhất không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L cùng thống nhất có hai người con chung tên Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 06/01/2007 và Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 17/10/2008.

Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L thỏa thuận giao hai người con chung tên Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 06/01/2007 và Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 17/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi hai người con chung cho ông Lê Thành T do bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L cùng thống nhất có tài sản chung nhưng ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009804 ngày 01/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- UBND thị trấn O, H. E, tỉnh G (GCNKH số 41 ngày 13/11/2001);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Tình